

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2018

“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Bạch Long

Ông Trương Văn Lộc

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Thuận – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG, Tp Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông V H TH, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: BA 5, TH B W, tổ 4A, kp 1, TTĐ, Q, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà PH K PH, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: số 3 T5, KP Giồng A, thị trấn C TH, huyện CG, Tp Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông V H TH trình bày:*

Ông và bà PH K PH tự nguyện tìm hiểu tình cảm với nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, huyện CG, Tp Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99, ngày 08 tháng 10 năm 2002.

Trong quá trình sinh sống với nhau thường xảy ra mâu thuẫn, không cùng chí hướng, quan điểm sống, tính cách, lối sống không hòa hợp, vợ chồng thường xảy ra bất hòa, trước đây ông đã 01 lần xin ly hôn với PH nhưng do khuyên giải của bạn bè, người thân ông đã từ bỏ ý định ly hôn để tạo thêm cơ hội hàn gắn gia đình nhưng sau khi về chung sống ông nhận thấy không còn tình cảm đối với PH, do không thể chung sống nên ông đã ly thân với PH từ năm 2016 đến nay, nay ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà PH.

Về con chung: có 02 con là:

- V H D, sinh ngày 16/10/2003 đang sống với bà PH.

- V D HG, sinh ngày 16/8/2008 đang sống với ông.

Sau khi, ly hôn ông TH yêu cầu được nuôi cháu V D HG, không yêu cầu bà PH cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: ông TH giao toàn bộ cho bà PH nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ông TH yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải mà yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật vì ông cho rằng tình cảm của ông không còn dành cho PH.

Bị đơn – bà PH K PH trình bày:

Bà và ông TH tự nguyện tìm hiểu với nhau đi đến hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, huyện CG, Tp Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99, ngày 08 tháng 10 năm 2002.

Theo quan điểm của bà PH không đồng ý ly hôn với ông TH và muốn đoàn tụ gia đình để các con bà không phải mất tình cảm của cha hoặc mẹ, vì bà cho rằng trong cuộc sống gia đình của bà không có lý do gì phải dẫn đến ly hôn với nhau. Cuối cùng bà mong muốn gia đình được hàn gắn đoàn tụ với nhau để các con bà ăn học.

Bà và ông TH có 02 con trai (một cháu sinh năm 2003 và một cháu sinh năm 2008) bà không muốn các con mất tình cảm của cha hoặc mẹ vì hai con đang còn tuổi ăn học, rất cần tình thương của cả cha và mẹ. Bà là công chức đang công tác tại ủy ban kiểm tra huyện ủy, bà rất yêu nghề của mình, bà nghĩ mình phải gương mẫu giữ gìn êm ấm gia đình để làm tốt nhiệm vụ. Bà tha thiết mong muốn đoàn tụ gia đình, để gia đình êm ấm, nếu các con mất cha hoặc mất mẹ là sự mất mát của gia đình gánh nặng cho xã hội. Chính vì vậy bà không muốn ly hôn với ông TH. Bà PH có trao đổi với ông TH về việc hàn gắn gia đình nhưng ông TH không trả lời và cũng không có ý kiến gì.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà PH có yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng hết 02 con chung là cháu V H D và V D HG. Về tài sản chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có và cũng không ai nợ vợ chồng bà.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, các đương sự không thỏa thuận gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CG, Tp Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân huyện CG, Tp Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông TH vì giữa ông và bà PH mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CG, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn xin ly hôn của ông V H TH đối với bà PH K PH, sinh năm 1979, đang cư trú tại: số 3 T5, Kp G A, thị trấn C TH, huyện CG, Tp Hồ Chí Minh, nên xác định quan hệ tranh chấp là “xin ly hôn”, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CG, Tp Hồ Chí Minh.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định:

Ông V H TH tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Bà PH K PH tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông TH và bà PH tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện CG, Tp Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa ông TH và bà PH được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân ông TH xin ly hôn với bà PH do giữa vợ chồng phát sinh quá nhiều mâu thuẫn mà không thể hàn gắn hòa giải được, vợ chồng luôn nghi kỵ lẫn nhau nên không thể nào tiếp tục đời sống vợ chồng.

Bà PH cho rằng tình cảm giữa bà và ông TH không có gì mâu thuẫn, bà không đồng ý ly hôn với ông TH và muốn đoàn tụ gia đình để các con bà không phải mất tình cảm của cha, mẹ vì các con còn nhỏ đang tuổi ăn học.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy; Tình cảm vợ chồng giữa ông TH và bà PH đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong quá trình chung sống, ông TH không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của người chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con, vì bản thân ông TH đã xác định ông không còn dành tình cảm cho PH, thực tế ông đã sống ly thân từ năm 2016, mặc dù đã 01 lần hàn gắn mâu thuẫn gia đình nhưng vợ chồng cũng không thường xuyên chung sống cùng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Về phía PH không đồng ý ly hôn, mà muốn giữ êm ấm gia đình nhưng đã nhiều lần bà không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình, xóa bỏ khoảng cách và thuyết phục ông TH từ bỏ ý định ly hôn để quay về tiếp tục chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình.

Thực tế ông TH đã cương quyết ly hôn, ông cho rằng nếu Tòa án không chấp nhận thì ông cũng không quay về chung sống với PH và sau này ông vẫn gửi đơn đến Tòa án để ly hôn với PH. Với ý kiến của nguyên đơn cho thấy một bên đã không còn quyết tâm xây dựng hạnh phúc gia đình, mà cương quyết ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và không thể duy trì, vì hôn nhân gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, bản thân ông TH không còn tự nguyện duy trì và vun đắp hạnh phúc gia đình thì cũng không thể bắt buộc ông TH phải tiếp tục đời sống chung với PH.

Ngày 11/4/2018, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông TH và bà PH tại địa phương được ông Nguyễn Văn Chiến trưởng khu phố cung cấp: Về quan hệ hôn nhân xác định bà PH đang sinh sống tại Kp Giồng Ao, thị trấn C TH, ban khu phố chưa phát hiện có mâu thuẫn trong gia đình, chính quyền địa phương cũng chưa đứng ra hòa giải về mâu thuẫn trong hôn nhân của ông TH và bà PH...

Hội đồng xét xử xét thấy; Theo thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm thì vợ chồng đều là cán bộ Nhà nước trước đây chung sống, làm việc tại C G nên mâu thuẫn gia đình vợ chồng luôn giấu kín, không để những người xung quanh biết và cũng chưa lần nào yêu cầu chính quyền khu phố đứng ra hòa giải. Lời trình bày của đương sự là phù hợp với xác nhận của Trưởng khu phố, như vậy, địa phương không nắm và chưa phát hiện mâu thuẫn trong gia đình của ông TH và bà PH là có cơ sở, và xác nhận này không có căn cứ để chứng minh vợ chồng ông TH trong thời gian sinh sống tại C G là không có mâu thuẫn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, nếu không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông TH thì cũng không thể buộc ông TH phải quay trở về đoàn tụ và tiếp tục chung sống với PH. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông TH đối với bà PH.

Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án là không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy; Trong quan hệ vợ chồng của đương sự là tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, để đạt được mục đích của hôn nhân thì cần sự quan tâm chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau của cả hai vợ chồng nhưng trong hôn nhân này ông TH đã bỏ mặc PH, không còn quan tâm, chăm sóc, không còn thương yêu quý trọng PH, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình và cương quyết ly hôn, như vậy cho thấy bản thân ông TH không còn mục đích xây dựng gia đình với PH. Vì hôn nhân là tự nguyện nếu chung sống không hạnh phúc thì một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án cho ly hôn và pháp luật hiện hành cũng không có quy định bắt buộc vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống suốt đời với nhau, vì vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là không có cơ sở, chưa phù hợp với thực trạng hôn nhân của ông TH, PH hiện tại, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về quan hệ con chung:

Ý kiến của cháu V D HG, sinh ngày 16/8/2008 (đang sống với ông TH) sau khi ba và mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với ba là ông V H TH.

Ý kiến của cháu V H D, sinh ngày 16/10/2003 (đang sống với mẹ) sau khi ba và mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là bà PH K PH.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông TH yêu cầu được nuôi cháu D HG theo nguyện vọng của cháu, vì đang sống ổn định với ông và không yêu cầu cấp dưỡng, còn cháu H D ông đồng ý giao PH tiếp tục nuôi dưỡng không cấp dưỡng. Phía PH thì nếu Tòa án cho ly hôn bà có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, không cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy; Khi vợ chồng ly thân, ông TH cùng cháu V D HG chuyển về sinh sống tại phường TTH Đ, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh cho đến nay và Cháu V H D sinh sống cùng mẹ là PH tại huyện C G. Hiện nay cháu HG đang học tập, sinh sống ổn định với ba, cháu D đang học tập, sinh sống ổn định với

mẹ, nếu thay đổi sẽ làm xáo trộn cuộc sống của 02 cháu, làm ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ nhỏ và ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc học hành sau này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần ổn định cuộc sống học tập của 02 cháu như hiện tại, không cần thiết phải thay đổi người nuôi con, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi cả 02 con chung của PH, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung là cháu V D HG của ông TH. Căn cứ khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu V D HG, sinh ngày 16/8/2008 cho ông TH trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, giao cháu V H D, sinh ngày 16/10/2003 cho bà PH trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung cho PH và ông TH, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Ông TH đồng ý giao lại cho bà PH nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có và cũng không ai nợ ông TH, bà PH.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V H TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông TH được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp thành án phí.

[5] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho ông V H TH được ly hôn với bà PH K PH.

2. Về quan hệ con chung:

- Ông V H TH trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V D HG, sinh ngày 16/8/2008 cho đến khi trưởng thành, bà PH không cấp dưỡng nuôi con.

- Bà PH K PH trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V H D, sinh ngày 16/10/2003 cho đến khi trưởng thành, ông TH không cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung cho PH và ông TH, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Ông V H TH phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chuyển tiền tạm ứng án phí ông TH đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 05743, ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, Tp Hồ Chí Minh thành án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Ông V H TH, bà PH K PH có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.C G;
- THADS H. C G;
- UBND xã L H;
- Lưu: vp.hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thành Ngọc